

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1.	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: <ul style="list-style-type: none"> + Hít vào, thở ra. - Cơ tay và bả vai: <ul style="list-style-type: none"> + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống. + 2 tay đưa ra phía trước - đưa về phía sau. + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau kết hợp lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái. + Quay người sang 2 bên phải, trái. + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên. + Ngửa người ra phía sau + Vận người sang hai bên - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Bật tại chỗ 	1->9	

2.	<p>- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Đi bước qua gậy kê cao - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Bước lên xuống bậc cao 15cm - Đứng co 1 chân 	1->9	
3.	<p>Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây - Ném xa bằng 1 tay - Ném bóng vào đích (xa 1->1,2 m) - Ném bóng trúng đích (Đích xa 70 - 100 cm) - Tung - bắt bóng cùng cô 	1,3,5,6,7,8,9	
4.	<p>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò về phía trước có mang vật trên lưng - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Trườn chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò theo đường đích dắc 	1->9	
5.	<p>- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng hai chân 	1,2,3,4,6,7,8,9	

	1,5m).			
6.	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khảy, đào, vò xé	1->9	
7.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6 - 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.		
<i>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>				
8.	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	1, 2	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	2	
10.	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	3	
11	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống; - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập tự phục vụ:	1, 2, 3	

		<ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. 		
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đội mũ khi ra nắng; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. 	5, 9	
13.	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (<i>bếp ga, bếp điện, ấm điện, phích nước nóng,...</i>), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (<i>Bếp đang đun, xô nước, giếng, ao hồ, sông suối, cây to, cột điện...</i>)	2, 3, 4	
14.	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (<i>leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, trèo cây, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe...</i>) - Nhận biết phương tiện báo động cháy. 	4, 5, 8	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
15.	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. 	2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	

		<ul style="list-style-type: none"> - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Nếm vị một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) - <i>Một số hiện tượng tự nhiên: Mưa đá, sạt lở đất, lũ lụt...</i> - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với cây cối, hoa quả...</i> - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với con vật về môi trường sống, thức ăn.</i> 		
16.	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc phù hợp với địa phương. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp phù hợp với địa phương. 	2, 4, 9	
17.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính)</i> - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. 	1, 4	
18.	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	1	

		- Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.		
19.	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc phù hợp với địa phương. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi phù hợp với địa phương.	5, 6, 7, 8	
20.	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi, hoa quả màu đỏ/vàng/xanh/hồng/trắng theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh, hồng, trắng. - Số lượng (một - nhiều)	7, 9	
21.	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (to - nhỏ) - Hình tròn, hình vuông	7, 8	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

22.	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	8, 9	
23.	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”, “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?” ...	1->9	
24.	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Kể lại đoạn truyện được	4, 5, 6, 7, 8, 9	

	truyện, tên và hành động của các nhân vật.	nghe nhiều lần, có gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.		
25.	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.	1->9	
26.	- Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1->9	
27.	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc;	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	4, 9	
28.	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	4, 5, 8	
29.	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3, 4	
4. Lĩnh vực phát triển TC, KNXH & thẩm mỹ				
30.	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	1	

31.	- Trẻ có thể thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	2	
32.	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	4	
33.	- Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.	6	
34.	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.			
35.	- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	5	
36.	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	1	
37.	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1->9	
38.	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	1->9	
39.	- Trẻ có thể thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ	2, 8	

		chơi vào nơi qui định.		
40.	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1->9	
41	<i>- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát-bản nhạc và nghe các dụng cụ âm nhạc.</i>	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	1->9	
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh.	1->9	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	Stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
4 tuần (Từ ngày 09/09 đến 04/10/2024)	1	Bé và các bạn - Tết trung thu	Các bạn của bé	1 tuần (Từ 09/9 - 13/9)	Tổ chức toàn trường Tết trung thu ngày 17/09/2024	
			Bé vui Tết trung thu	1 tuần (Từ 16/9- 20/9)		
			Lớp học của bé	1 tuần (Từ 23/9 - 27/9)		
			Bé biết nhiều thứ	1 tuần (Từ 30/09- 4/10)		
3 tuần (Từ ngày 07/10 đến ngày 25/10/2024)	2	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Đồ chơi quen thuộc của bé	1 tuần (Từ 07/10- 11/10)		
			Đồ dùng cá nhân của bé.	1 tuần (Từ 14/10- 18/10)		
			Đồ dùng trong lớp của bé	1 tuần (Từ 21/10- 25/10)		
4 tuần (Từ ngày 28/10 đến ngày 22/11/2024)	3	Các cô, các bác trong trường mầm non - Ngày hội của cô giáo.	Cô giáo của em	1 tuần (Từ 28/10- 01/11)	Ngày nhà giáo VN (Thứ 4 ngày 20/11/2024)	
			Các cô, bác trong nhà trẻ	1 tuần (Từ 04/11- 08/11)		
			Bác cấp dưỡng	1 tuần (Từ 11/11- 15/11)		
			Ngày hội của cô giáo.	1 tuần (Từ 18/11- 22/11)		

3 tuần (Từ ngày 25/11 đến ngày 13/12/2024)	4	Mẹ và những người thân yêu của bé	Mẹ của bé	1 tuần (Từ 25/11-29/11)		
			Những người thân yêu của bé.	1 tuần (Từ 02/12-06/12)		
			Đồ dùng của gia đình bé	1 tuần (Từ 9/12-13/12)		
4 tuần (Từ ngày 16/12 đến ngày 10/01/2025)	5	Những con vật bé yêu	Con vật nuôi trong gia đình	2 tuần (Từ 16/12-27/12)	<i>Nghỉ tết dương lịch (Thứ 4 ngày 01/01/2025)</i>	
			Con vật sống trong rừng	1 tuần (Từ 30/12-03/01/2025)		
			Con vật sống dưới nước	1 tuần (Từ 06/01 - 10/01)		
4 tuần (Từ ngày 20/01 đến ngày 21/02/2025)	6	Bé vui đón tết	Ngày tết vui vẻ	1 tuần (Từ 20/1-24/01)	<i>Nghỉ tết nguyên đán 1 tuần (27/1-31/01)</i>	
			Một số hoạt động ngày tết.	1 tuần (Từ 03/02-07/02)		
			Mùa xuân	2 tuần (Từ 10/02-21/02)		
5 tuần (Từ ngày 24/02 đến ngày 28/03/2025)	7	Cây và những bông hoa đẹp - Ngày hội 8/3	Cây xanh quanh bé	1 tuần (Từ 24/02 - 28/02)		
			Ngày hội 8/3	1 tuần (Từ 03/3-07/3)		
			Bé biết rau gì?	1 tuần (Từ 10/3-14/3)		
			Những bông hoa đẹp	1 tuần (Từ 17/3-21/3)		

			Quả ngon của bé	1 tuần (Từ 24/3-28/3)		
4 tuần (Từ ngày 31/3 đến ngày 25/4/2025)	8	Bé có thể đi khắp nơi bằng PTGT	PTGT đường bộ	2 tuần (Từ 31/3-11/4)	<i>Nghi 10/3 âm lịch thứ 2 ngày 07/4</i>	
			PTGT đường thủy	1 tuần (Từ 14/4-18/4)		
			PTGT đường hàng không.	1 tuần (Từ 21/4-25/4)		
4 tuần (Từ ngày 28/4 đến ngày 23/5/2024)	9	Mùa hè đến - Bé lên mẫu giáo	Thời tiết mùa hè	1 tuần (Từ 28/4-02/5)	<i>Nghi 30/4; 1/5 Thứ 4,5</i>	
			Trang phục mùa hè	1 tuần (Từ 05/5-09/5)		
			Bé lên mẫu giáo	1 tuần (Từ 12/5-16/5)		
			Một số hoạt động của lớp mẫu giáo.	1 tuần (Từ 19/5-23/5)		
Tổng số				35 tuần		

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU